

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HS-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Châu Hùng;
- Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/HSST- QĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thanh T (Hon), sinh năm 1992, nơi sinh: K – An Giang; nghề nghiệp: không; nơi cư trú: tổ 09, khóm U, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn O (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ hai; chưa có vợ con.

Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 07/8/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 15 tháng; chấp hành xong ngày 30/7/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Hồ Minh C, sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 7, khóm U, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: 207/54 đường Hồ Ngọc Lâm, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Lê Thị H, sinh năm 1956, nơi cư trú: tổ 9, khóm U, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

1. Hồ Minh G, sinh năm 1962, vắng mặt.

2. Lâm Thị Ái Y, sinh năm 1971, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 14/5/2020 Lê Thanh T cần tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng; T đi bộ đến trước nhà Hồ Minh C cùng xóm U, phường X, thành phố K thấy nhà khóa cửa không người nên T lên xuống sân nhà, mở ván lót sàn đột nhập trộm cắp 01 bộ lư đồng đem bán cho Nguyễn Văn N được 1.500.000 đồng tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 01 bộ lư bằng kim loại, màu vàng đồng.

Căn cứ kết luận định giá trong tổ tụng hình sự số 125/KL-ĐG ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 bộ lư đồng (số 2) bằng kim loại, màu vàng đã qua sử dụng; tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, giá trị 3.000.000 đồng.

Cáo trạng số 86/CT-VKSCĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Lê Thanh T khai nhận: Do cần tiền mua ma túy sử dụng nên sáng ngày 14/5/2020 bị cáo đi ngang qua nhà ông Hồ Minh C thấy nhà khóa cửa không có người trông coi nên bị cáo đi xuống sân tháo ván lót leo lên nhà trộm 01 bộ lư đồng bán cho ông Nguyễn Văn N được số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo cho cô ruột Lê Thị H 100.000 đồng, số còn lại đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo không yêu cầu bà H trả lại số tiền 100.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị H khai: Bị cáo là cháu ruột của bà, có cho số tiền 100.000 đồng, bà không biết số tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo trong giao đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng được thu thập trong giai đoạn điều tra và thẩm tra tại phiên tòa. Ngoài ra, hành vi mà bị cáo thực hiện còn phù hợp với vật chứng vụ án. Từ đó có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*trộm cắp tài sản*”. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về hình phạt bổ sung, các bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác; nên không đề cập.

Vật chứng vụ án, đã giao trả cho bị hại nên không xem xét lại.

Đối với Nguyễn Văn N không biết tài sản do Lê Thanh T trộm cắp mà có nên đã mua tuy không xử lý hình sự nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại ông Hồ Minh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn N và những người làm chứng ông Hồ Minh G bà Lâm Thị Ái Y vắng mặt. Xét, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra nên sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không

gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Thanh T trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa là phù hợp nhau về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra, lời khai nhận của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các nguồn chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như vật chứng vụ án được thu giữ và đã giao trả lại cho bị hại.

Từ đó, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm bộ lư đồng trị giá 3.000.000 đồng của bị hại Hồ Minh C nên đã thỏa mãn mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[8] Vật chứng vụ án: 01 bộ lư đồng đã được giao trả cho bị hại trong giai đoạn điều tra nên không đề cập xem xét lại.

[9] Vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn N không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên đã mua tuy không xử lý hình sự nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Lê Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T: 01 (một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/8/2020.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Lê Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Hồ Minh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn N là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương